

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/KDTM-ST

Ngày: 15-5-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh H.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Quang C

2. Bà Nguyễn Thị Thanh T

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều O – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu H2 – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2022/KDTM-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2023/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 03 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 249/2023/QĐST-KDTM ngày 14 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V; Trụ sở: 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Ngọc Quang H và ông Ma Khắc K (Giấy ủy quyền số 2874/2023/UQ-PGD, ngày 12/5/2023).

- Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên V N; Trụ sở: 95A Phú Thọ Hòa, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Tp.HCM; Người đại diện theo pháp luật: Bà Hà Thị Tr – giám đốc.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Hà Thị Tr; Địa chỉ: 32/9 Khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

(Tại phiên tòa - đại diện nguyên đơn có mặt; Bị đơn và người có quyền lợi

và nghĩa vụ liên quan vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Võ Ngọc Quang H và ông Ma Khắc K - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH MTV V N (sau đây gọi tắt là Công ty V N) có ký kết Hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP V – Chi Nhánh Quận 11 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: Q11/21275 ngày 11/11/2021 với các nội dung tóm tắt như sau: Khế ước nhận nợ lần 01 số: Q11/21275-01 ngày 11/11/2021, số tiền là 300.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng từ 11/11/2021 - 11/05/2022, Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 16%/năm; điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần; mục đích vay là bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh buôn bán vải, hàng may mặc, giày dép. Khoản vay trên được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Hà Thị Tr theo Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/21275/HĐBL ngày 11/11/2021.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty V N chỉ thanh toán được 24.103.965 đồng, trong đó tiền vốn là 408.428 đồng. Sau đó không thanh toán cho đến nay. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty V N đề yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty V N cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Nay, ngân hàng yêu cầu:

Yêu cầu Công ty V N trả cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 15/5/2023 là: 375.715.382 đồng; trong đó nợ gốc là: 299.591.572 đồng; nợ lãi trong hạn là: 464.163 đồng; nợ lãi quá hạn là: 75.611.941 đồng; lãi chậm trả là 47.706 đồng. Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Công ty V N vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số gốc cho ngân hàng.

Trường hợp Công ty V N không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, bên bảo lãnh là bà Hà Thị Tr phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/21275/HĐBL ngày 11/11/2021.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đường sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo pháp luật tố tụng qui định tại Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 69, khoản 2 Điều 97, Điều 171, Điều 173 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vi phạm này không ảnh hưởng đến đường lối giải quyết vụ án, nên Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú kiến nghị khắc phục.

- Về nội dung vụ án: Ngân hàng và Công ty V N đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số: Q11/21275 ngày 11/11/2021 với các nội dung tóm tắt như sau: Khế ước nhận nợ lần 01 số: Q11/21275-01 ngày 11/11/2021, số tiền là 300.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng từ 11/11/2021 - 11/05/2022. Tuy nhiên sau khi ký kết hợp đồng vay thì Công ty V N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó ngân hàng yêu cầu thanh toán số tiền gốc, lãi còn thiếu là phù hợp với quy định pháp luật và có cơ sở chấp nhận. Trường hợp Công ty V N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Bà Hà Thị Tr phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký với Ngân hàng là có cơ sở và phù hợp. Do đó từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định pháp luật tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí tính theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào phần trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Xét đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2022 của nguyên đơn, căn cứ vào Hợp đồng cho vay hạn mức số: Q11/21275 ngày 11/11/2021 kèm Khế ước nhận nợ lần 01 số: Q11/21275-01 ngày 11/11/2021 thì giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh tranh chấp, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Do bị đơn có trụ sở đăng ký kinh doanh tại quận Tân Phú nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục kinh doanh thương mại là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về

kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa có ghi rõ ngày đưa vụ án ra xét xử lần hai đến địa chỉ trụ sở Công ty V N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để họ thực hiện quyền tranh tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự tại khoản 1, khoản 2 Điều 177; Điều 179; Điều 196, Điều 208, Điều 220; khoản 3 Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty V N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty V N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Hà Thị Tr.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

- Xét, việc Ngân hàng yêu cầu Công ty V N thanh toán số nợ gốc và tiền lãi còn thiếu của Hợp đồng cho vay hạn mức số: Q11/21275 ngày 11/11/2021 kèm Khế ước nhận nợ lần 01 số: Q11/21275-01 ngày 11/11/2021 với số tiền tạm tính đến ngày 15/5/2023 là: 375.715.382 đồng; trong đó nợ gốc là: 299.591.572 đồng; nợ lãi trong hạn là: 464.163 đồng; nợ lãi quá hạn là: 75.611.941 đồng; lãi chậm trả là 47.706 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét hợp đồng cho vay hạn mức số: Q11/21275 ngày 11/11/2021 kèm Khế ước nhận nợ lần 01 số: Q11/21275-01 ngày 11/11/2021 được giao kết giữa Công ty TNHH MTV V N và Ngân hàng TMCP V – Chi Nhánh Quận 11. Về hình thức đều do đại diện theo ủy quyền của (bên cho vay) ký kết với (bên vay, bên được cấp tín dụng); được lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên. Về nội dung của hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ được ký kết với sự thỏa thuận của hai bên liên quan đến khoản tiền cho vay, cấp tín dụng, lãi suất vay, lãi suất nợ quá hạn, lãi chậm trả... Như vậy hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với các quy định tại Điều 385, Điều 388 và Điều 401 Bộ luật dân sự 2015 và phù hợp với tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Xét về lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức số: Q11/21275 ngày 11/11/2021 kèm Khế ước nhận nợ lần 01 số: Q11/21275-01 ngày 11/11/2021; Ngân hàng đã xuất trình đầy đủ các căn cứ về việc điều chỉnh lãi suất, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu đòi lãi của nguyên đơn.

Sau khi nhận số tiền vay, Công ty V N chỉ trả được số tiền là 24.103.965 đồng, trong đó tiền vốn là 408.428 đồng. Sau đó Công ty V N đã vi phạm thỏa thuận theo các Hợp đồng cho vay kèm khế ước nhận nợ lần 01 mà hai bên đã ký kết. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty V N phải trả cho ngân hàng các khoản nợ theo hợp đồng cho vay hạn mức số: Q11/21275 ngày 11/11/2021 kèm Khế ước nhận nợ lần 01 số: Q11/21275-01 ngày 11/11/2021 tính đến ngày 15/5/2023 là 375.715.382 đồng; trong đó nợ gốc là: 299.591.572 đồng; nợ lãi trong hạn là: 464.163 đồng; nợ lãi quá hạn là: 75.611.941 đồng; lãi chậm trả là 47.706 đồng.

Theo đó kể từ ngày 16/5/2023 bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức số: Q11/21275 ngày 11/11/2021 kèm Khế ước nhận nợ lần 01 số: Q11/21275-01 ngày 11/11/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Xét, việc ngân hàng yêu cầu, nếu Công ty V N không thanh toán khoản nợ còn thiếu cho ngân hàng thì bên bảo lãnh là bà Hà Thị Tr phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay của Công ty V N theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký kết số: Q11/21275/HDBL ngày 11/11/2021. Hội đồng xét xử nhân định:

Xét, Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/21275/HĐBL, ngày 11/11/2021 được ký kết giữa bên bảo lãnh - bà Hà Thị Tr với đại diện của Ngân hàng. Bên bảo lãnh đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh (Công ty V N) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số: Q11/21275 ngày 11/11/2021 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký kết giữa bên được bảo lãnh và bên Ngân hàng bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan; Việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật về bảo lãnh nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, trường hợp Công ty V N không thanh toán được số tiền còn nợ nêu trên, buộc bà Hà Thị Tr thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty V N số tiền mà Công ty V N còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Bà Hà Thị Tr không có văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu của mình. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét giải quyết.

- Về thời hạn thanh toán:

Xét, Ngân hàng yêu cầu Công ty V N thanh toán một lần số tiền nợ còn thiếu ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy Công ty V N vi phạm thời hạn thanh toán đã lâu là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp cho ngân hàng nên có cơ sở để chấp nhận.

[3]Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 375.715.382 đồng, tương ứng với số tiền án phí là 18.785.769 đồng.

Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 8.394.242 đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 280, 335, 342, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn các quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Buộc công ty TNHH MTV V N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền còn nợ của Hợp đồng cho vay hạn mức số: Q11/21275 ngày 11/11/2021 kèm Khế ước nhận nợ lần 01 số: Q11/21275-01 ngày 11/11/2021 tạm tính đến ngày 15/5/2023 là: 375.715.382 (ba trăm bảy mươi lăm triệu, bảy trăm mười lăm ngàn, ba trăm tám mươi hai) đồng, trong đó nợ gốc là 299.591.572 (hai trăm chín mươi chín triệu, năm trăm chín mươi một ngàn, năm trăm bảy mươi hai) đồng; nợ lãi trong hạn là: 464.163 (bốn trăm sáu

mười bốn ngàn, một trăm sáu mươi ba) đồng; nợ lãi quá hạn là: 75.611.941 (bảy mươi lăm triệu, sáu trăm mười một ngàn, chín trăm bốn mươi một) đồng; lãi chậm trả là 47.706 (bốn mươi bảy ngàn, bảy trăm lẻ sáu) đồng.

Thời hạn thanh toán: Một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 16/5/2023 công ty TNHH MTV V N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay kèm khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp công ty TNHH MTV V N không thanh toán khoản nợ nêu trên thì bà Hà Thị Tr có trách nhiệm trả nợ thay khoản nợ nêu trên của công ty TNHH MTV V N cho ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần V theo Hợp đồng bảo lãnh số Q11/21275/HĐBL, ngày 11/11/2021.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH MTV V N phải chịu án phí sơ thẩm là 18.785.769 (mười tám triệu, bảy trăm tám mươi lăm ngàn, bảy trăm sáu mươi chín) đồng.

Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 8.394.242 (tám triệu, ba trăm chín mươi bốn ngàn, hai trăm bốn mươi hai) đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần V theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0036754 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. T;
- Chi cục THADS Q. ;
- Lưu VP, hồ sơ ./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh H